

PHÍ NƯỚC THẢI VỚI VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG *WASTEWATER TARIFF AND ENVIRONMENTAL PROTECTION*

ThS.NCS. Trịnh Thị Long

TÓM TẮT

Nước thải đang là vấn đề nan giải của nước đang phát triển như Việt Nam. Việc xử lý và thu phí nước thải hợp lý, trang trải được các chi phí đầu tư, vận hành và bảo dưỡng là vấn đề bức xúc đang được thảo luận. Phí nước thải đóng góp một phần quyết định vào vấn đề bảo vệ môi trường. Hiện nay phí nước thải của Việt Nam đang còn ở mức rất thấp. Chỉ có tăng phí nước thải thì mới bảo vệ được môi trường. Vấn đề đặt ra là tăng bao nhiêu. Bài viết này đề cập đến vấn đề tính toán phí nước thải bằng WASANPCC (phần mềm tính toán chi phí cho dự án cấp nước và vệ sinh môi trường của Viện Quản lý và Kỹ thuật Môi trường Witten – Đức) trên cơ sở số liệu đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt ở thành phố Vũng Tàu do Công ty thoát nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp. Kết quả tính toán cho thấy phí nước thải sinh hoạt ở mức khoảng 4.500đ/m³ thì mới đủ để trang trải các chi phí và vận hành bền vững.

ABSTRACT

Wastewater is an inextricable problem of developing country as Vietnam. The treatment and rational tariff, covering the expenses of investment, operation and maintenance is a pressing issue to be discussed. Wastewater tariff contributes determined part in environmental protection issue. Currently, wastewater tariff in Vietnam is still quite low. The environment can be protected only when the tariff increasing. How much it will be increased is a question to be discussed. This paper mentions to the wastewater tariff calculating using WASANPCC (software for financial calculation of water supply and sanitation project of Environmental Management and Engineering Institute – Witten, Germany) based on the data of Domestic wastewater treatment plant of Vungtau city supplying by Baria Vungtau Urban Sewerage and Drainage Company. The results of calculation show that in case of wastewater tariff about 4500đ/m³, the tariff collection is enough to cover expenses of investment, operation and maintenance and that is the case of sustainable development.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nước thải đang là vấn đề nan giải của nước đang phát triển như Việt Nam. Việc xử lý và thu phí nước thải hợp lý, trang trải được các chi phí đầu tư, vận hành và bảo dưỡng là vấn đề bức xúc đang được bàn cãi. Chính phủ đã ra Nghị định về phí môi trường đối với nước thải nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường từ nước thải và tiết kiệm nước sạch, tạo nguồn kinh phí cho Quỹ bảo vệ môi trường:

- Nghị định 67/2003 về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành từ giữa tháng 6 năm 2003, có hiệu lực từ 01/01/2004.
- Nghị định số 04/2007/NĐ-CP ngày 8/1/2007 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2003/NĐ-CP.

Theo nhận xét của các nhà quản lý, đây là một bước tiến quan trọng trong quản lý môi trường theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”. Tuy nhiên việc thu phí nước thải vẫn còn ách tắc, thiếu quy định chặt chẽ, công tác quản lý chưa tốt, khiến việc thu phí nước thải các doanh nghiệp vẫn cứ lúng túng, khó khăn [1]. Theo Nghị định này, quy định phí nước thải thấp hơn 10% giá nước cấp, nhưng địa phương chỉ được giữ lại 50% tổng số phí thu được. Số tiền này chỉ đáp ứng được 35% chi phí xử lý nước thải. Chẳng hạn, Hà Nội mỗi năm thu phí nước thải được 15 tỷ đồng nhưng phải chi cho Công ty cấp thoát nước 60 - 70 tỷ đồng. [2]. Sau một năm rưỡi, tổng số phí thu trong cả nước được gần 200 tỷ đồng. Trong đó, phí nước thải sinh hoạt 175 tỷ, còn lại là nước thải công nghiệp, cho thấy việc thu phí nước thải công nghiệp chưa đạt yêu cầu.

Ngày 28/5/2007 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2007/NĐ-CP quy định về thoát nước đô thị và khu công nghiệp. Trong đó qui định Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định giá nước sao cho đảm bảo được giá thành toàn bộ của dịch vụ và không được thấp hơn 10% phí tiêu thụ nước sạch. Đây là nghị định rất quan trọng thu hút đầu tư của tư nhân trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, việc tăng thu lệ phí nước thải như thế nào để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải là 2 vấn đề liên quan chặt chẽ với nhau. Chúng ta thường yêu cầu nâng cao hiệu quả của việc xử lý nhưng lại không coi trọng việc thu phí nước thải. Muốn nâng cao hiệu quả xử lý nước thải, tất yếu phải tăng kinh phí đầu tư bởi vì công nghệ xử lý nước thải rất đắt và chính vì thế phải tăng thu lệ phí nước thải.

Bài viết này đề cập đến vấn đề tính toán phí nước thải bằng WASANPCC (phần mềm tính toán chi phí cho dự án cấp nước và vệ sinh môi trường của Viện Quản Lý và Kỹ Thuật Môi Trường Witten – Đức) trên cơ sở số liệu đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt ở thành phố Vũng Tàu do Công ty thoát nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp.

II. DỮ LIỆU CƠ BẢN

Các dữ liệu cơ bản được tóm tắt trong bảng sau:

  		
BẢNG DỮ LIỆU CƠ BẢN		
TÊN DỰ ÁN	Thu gom, xử lý và thoát nước thành phố Vũng Tàu	
Năm bắt đầu dự án	1999	
Chi phí đầu tư	519.238.000.000	VND
Đầu tư cho hệ thống xử lý	519.238.000.000	VND
Công trình dân dụng	207.695.200.000	VND
Máy móc thiết bị	311.542.800.000	VND
Điện năng	-	VND
Đất đai	-	VND
Đầu tư vào mạng lưới	-	VND
Công trình dân dụng	-	VND
Máy móc thiết bị	-	VND
Điện năng	-	VND
Đất đai	-	VND
Số dân phục vụ	335.122	người
Lượng nước dự định sản xuất	-	m ³ /năm
Hàm lượng BOD trong nước thải	247	mg/l
Lượng nước tiêu thụ đặc biệt		m ³ /người/ngày
Phạm vi phục vụ		
Sinh hoạt		%
Công nghiệp		%
Chi phí vận hành dự kiến mỗi năm	670.244.000	VND
Năng lượng	-	VND
Nhân lực	-	VND
Sửa chữa	-	VND
Bảo dưỡng thường xuyên	-	VND
Hóa chất	-	VND
Xử lý bùn và chất thải	-	VND
Chi phí khác	-	VND
Vốn ODA dự kiến		

Qui ra đơn vị tiền tệ	311.542.800.000	
% trong tổng vốn đầu tư	60	
Phí nước thải		
Phí nước cấp		m ³
Phí nước thải	800	m ³
Phí nước thải		% phí nước cấp
Chi phí đầu tư	519.238.000.000	VND
Đầu tư cho hệ thống xử lý	100,00	% tổng vốn đầu tư
Công trình dân dụng	40,00	% tổng vốn đầu tư vào hệ thống
Máy móc thiết bị	60,00	% tổng vốn đầu tư vào hệ thống
Điện năng		% tổng vốn đầu tư vào hệ thống
Đất đai		% tổng vốn đầu tư vào hệ thống
Đầu tư vào mạng lưới	-	% tổng vốn đầu tư
Công trình dân dụng		% tổng vốn đầu tư vào mạng lưới
Máy móc thiết bị		% tổng vốn đầu tư vào mạng lưới
Điện năng		% tổng vốn đầu tư vào mạng lưới
Đất đai		% tổng vốn đầu tư vào mạng lưới
Số dân phục vụ	335.122	người
Tốc độ phát triển dân số	4,6	
Lượng nước bán ra		m ³ /năm
Lương nước thải ra	24.463.906	m ³ /năm
Chi phí vận hành	670.244.000	VND
Năng lượng		% trong tổng chi phí vận hành
Nhân lực		% trong tổng chi phí vận hành
Sửa chữa		% trong tổng chi phí vận hành
Bảo dưỡng thường xuyên		% trong tổng chi phí vận hành
Hóa chất		% trong tổng chi phí vận hành
Xử lý bùn và chất thải		% trong tổng chi phí vận hành
Chi phí khác		% trong tổng chi phí vận hành
Lạm phát	-	
Tốc độ lạm phát năng lượng		
Lạm phát tiền lương		
Lạm phát hàng hóa		
Tốc độ tăng tỉ lệ thu gom hàng năm		% /năm
Phí nước thải (tăng theo lạm phát)		(Có/không)
Hằng số tăng phí nước thải		(Có/không)
Tăng phí nước thải theo tỉ lệ lạm phát	5,00	%/năm

III. KẾT QUẢ TÍNH TOÁN VÀ THẢO LUẬN

Giả thiết rằng hệ thống vận hành trong 25 năm. Kết quả tính toán sẽ xem xét đến các vấn đề liên quan đó là:

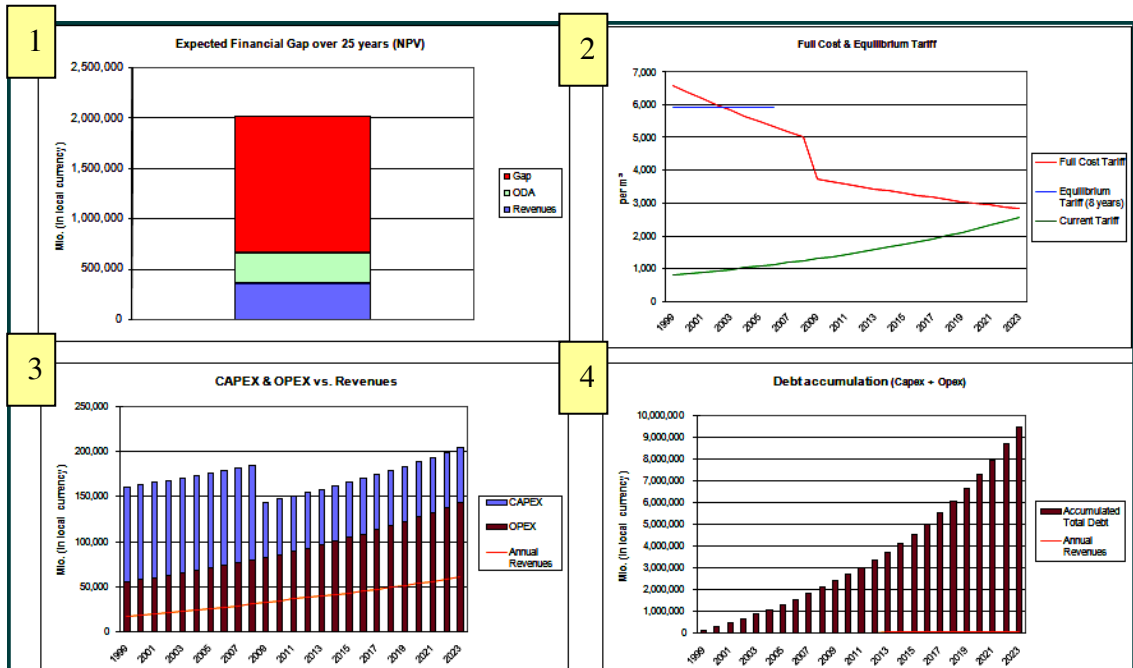
- Sự thiếu hụt về tài chính trong vòng 25 năm (triệu đồng) 1
- Phí đầy đủ và cân bằng phí trong 8 năm (tính trên m^3) 2
- Tổng chi phí và chi phí vận hành đối với doanh thu (quay vòng tiền mặt) 3
- Nợ lũy tích (tổng chi phí + phí vận hành và bảo trì) (triệu đồng) 4

Các vấn đề này được thể hiện trong các trường hợp tính toán sau:

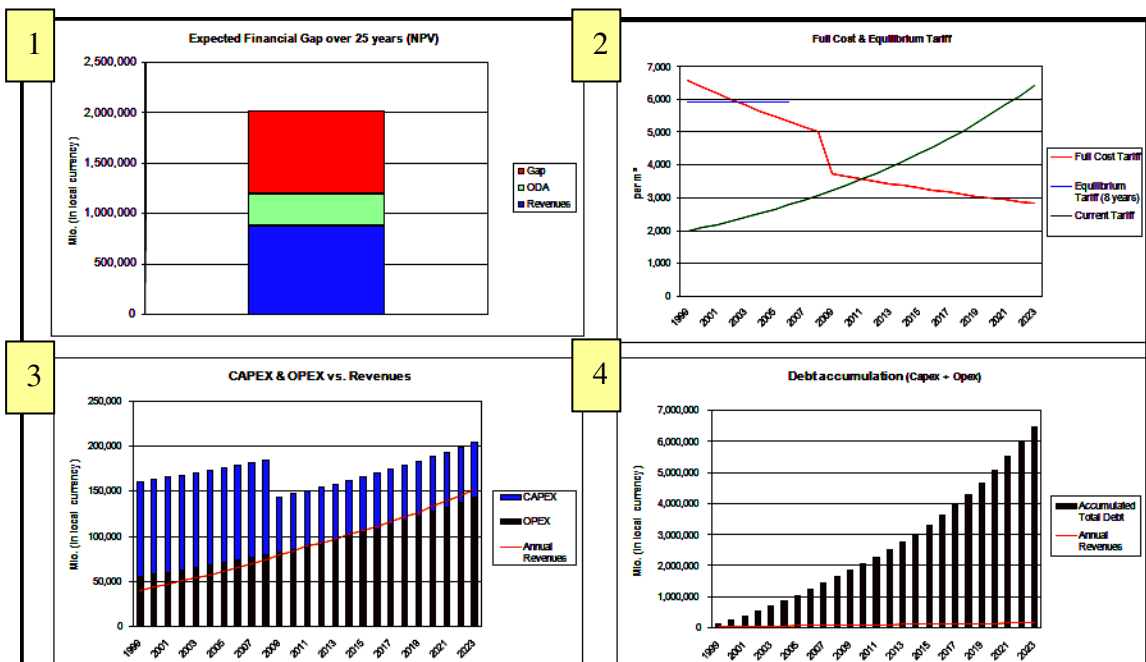
- Phí nước thải 800 đồng/ m^3 (hình 1);
- Phí nước thải 2.000 đồng/ m^3 (hình 2);
- Phí nước thải 3.000 đồng/ m^3 (hình 3);
- Phí nước thải 4.000 đồng/ m^3 (hình 4);
- Phí nước thải 4.500 đồng/ m^3 (hình 5); và
- Phí nước thải 5.000 đồng/ m^3 (hình 6).

Trong đó:

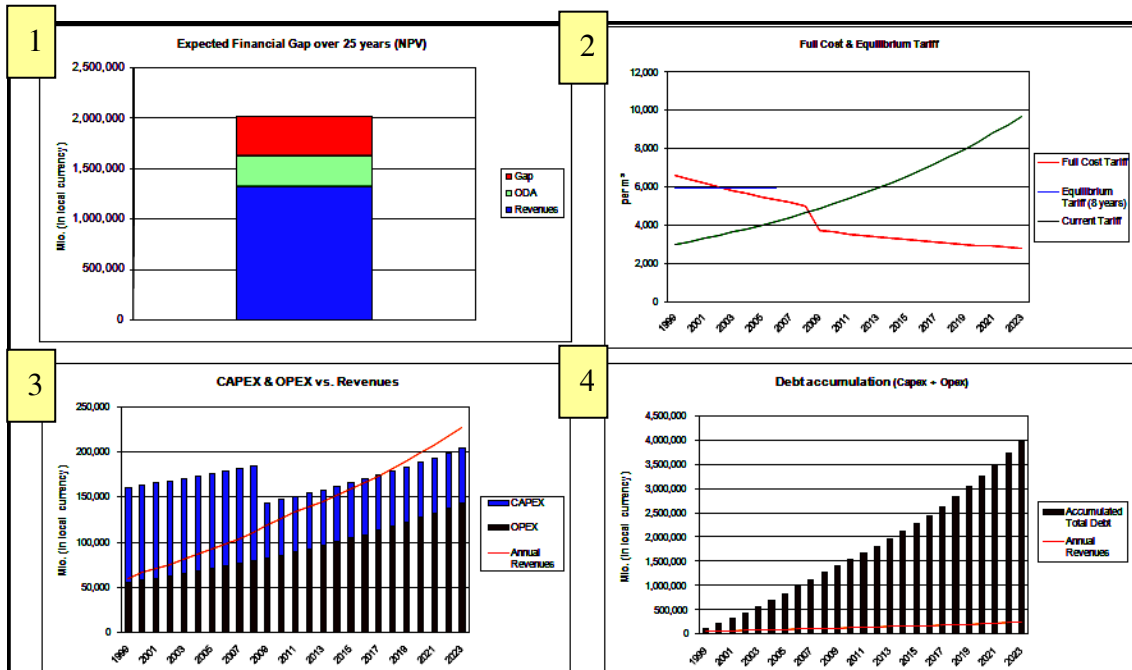
- | | | |
|--------------------------------|---|--------------------------------|
| - Gap | : | Thiếu hụt về tài chính |
| - ODA | : | Vốn vay ODA |
| - Revenue | : | Doanh thu |
| - Full cost tariff | : | Phí đầy đủ |
| - Equilibrium tariff (8 years) | : | Cân bằng phí (8 năm) |
| - CAPEX | : | Tổng chi phí |
| - OPEX | : | Phí vận hành bảo trì |
| - Annual revenues | : | Doanh thu hằng năm |
| - Accumulate total delb | : | Tổng nợ lũy tích |
| - Current tariff | : | Phí nước thải hiện tại |
| - Tariff 1 (800VND/ m^3) | : | Mức phí 1 (800 đồng/ m^3) |
| - Tariff 1 (2.000VND/ m^3) | : | Mức phí 2 (2.000 đồng/ m^3) |
| - Tariff 3 (3.00VND/ m^3) | : | Mức phí 3 (800 đồng/ m^3) |



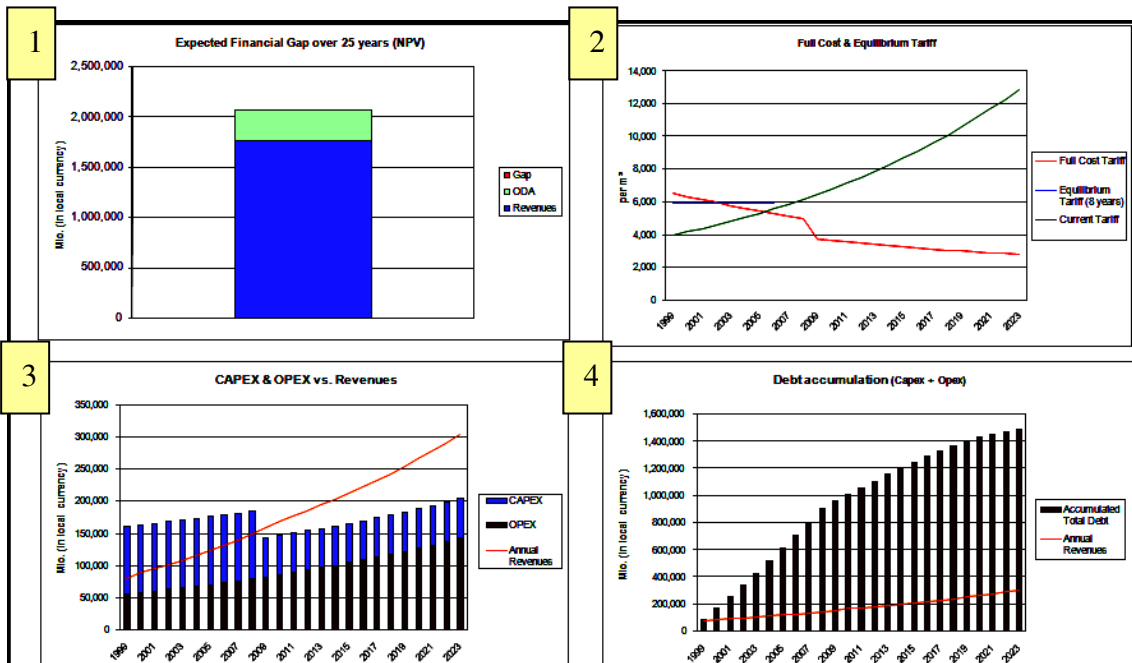
Hình 1: Kết quả tính toán ứng với phí nước thải 800 đồng/m³



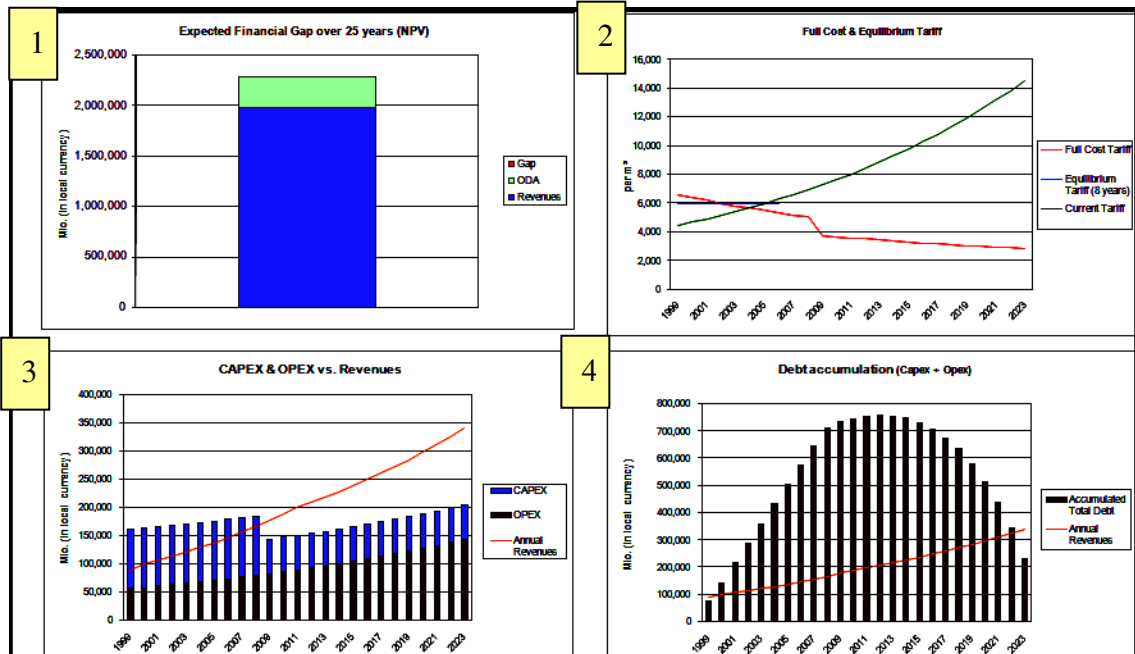
Hình 2: Kết quả tính toán ứng với phí nước thải 2.000 đồng/m³



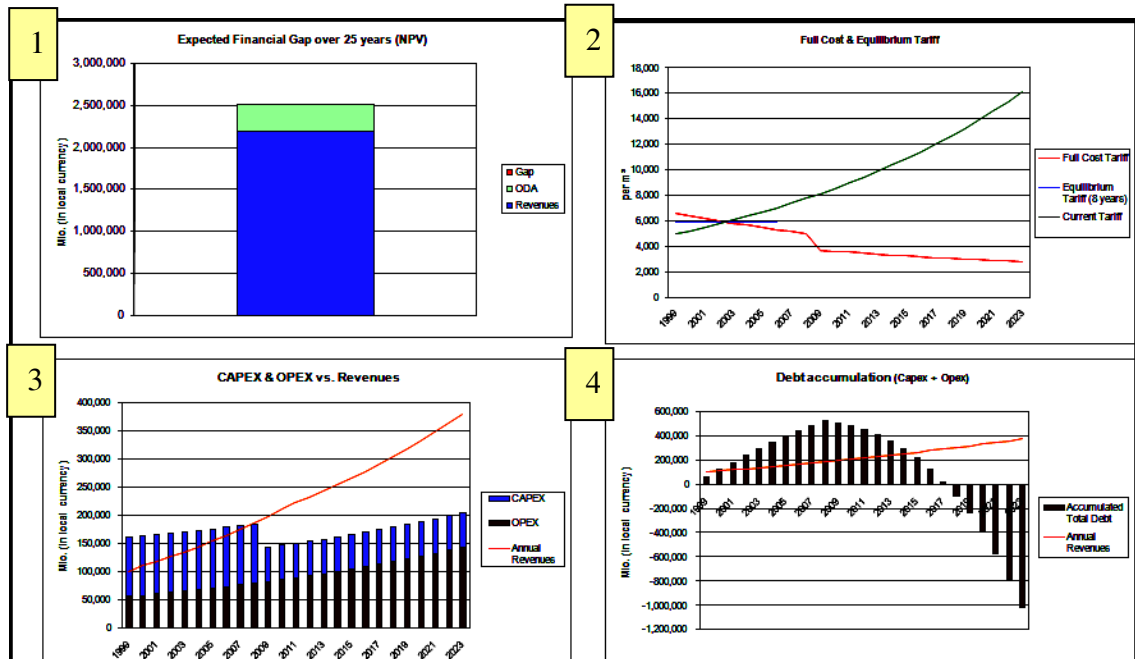
Hình 3: Kết quả tính toán ứng với phí nước thải 3.000 đồng/m³



Hình 4: Kết quả tính toán ứng với phí nước thải 4.000 đồng/m³



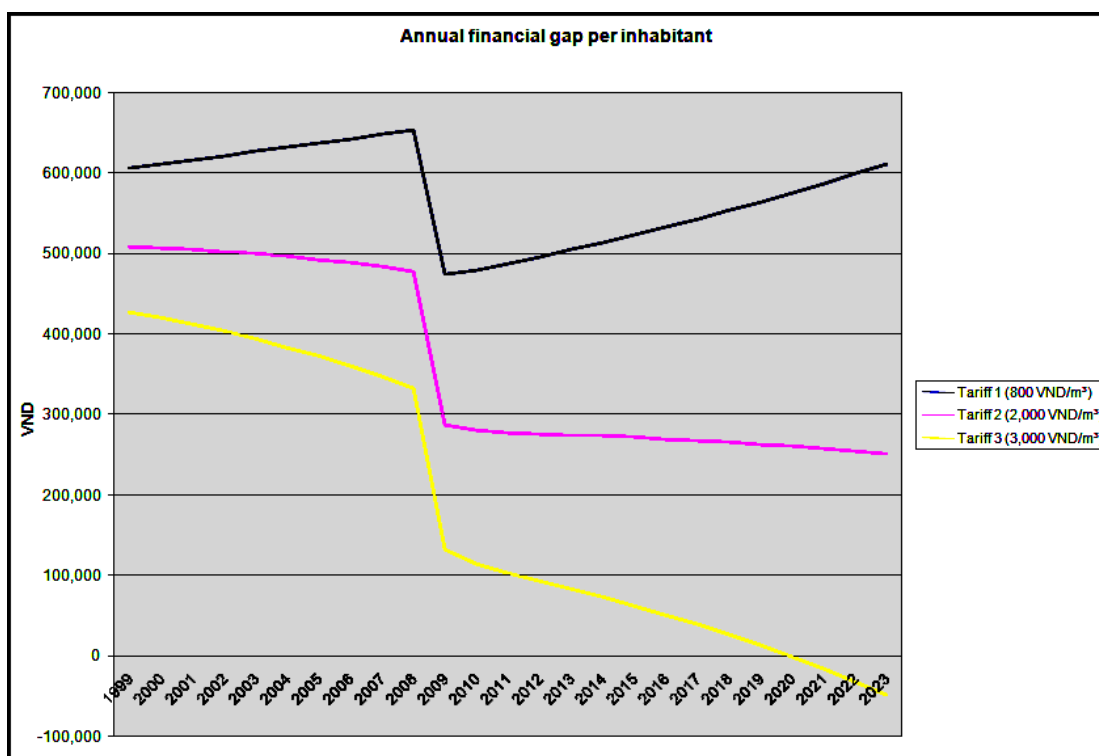
Hình 5: Kết quả tính toán ứng với phí nước thải 4.500 đồng/m³



Hình 6: Kết quả tính toán ứng với phí nước thải 5.000 đồng/m³

Kết quả tính toán trên cho ta thấy rằng:

+ Sự thiếu hụt về tài chính rất lớn, doanh thu thấp không đủ trang trải các chi phí ứng với phí nước thải 800đ/m³ và nợ ngày càng nhiều. Sự thiếu hụt về tài chính giảm, doanh thu tăng dần nếu phí nước thải tăng dần lên 2.000đ, 3.000đ/m³. Tuy nhiên, vẫn chưa đủ chi phí chính vì vậy mà nợ vẫn tiếp tục tích lũy. Với mức phí nước thải từ 800đ đến 2.000đ/m³, sự thiếu hụt về tài chính tính trên đầu người ở thành phố Vũng Tàu hàng năm khá lớn và duy trì cho tới năm 2023 vẫn còn cao (trên 600.000đ/người/năm nếu phí ở mức 800đ/m³ và trên 250.000đ/người/năm ở mức phí 2.000đ/m³). Với mức phí 3.000đ/m³ thì đến năm 2020 người dân Vũng Tàu mới không phải chi tiền cho sự thiếu hụt về tài chính của công trình xử lý nước thải (hình 7).



Hình 7: Sự thiếu hụt về tài chính hàng năm tính cho mỗi người dân

+ Nếu tiếp tục tăng phí nước thải lên 4.000đ/m³ thì Công ty đã không còn bị thiếu hụt về tài chính nữa, doanh thu khá hơn, tuy nhiên vẫn chưa trang trải được nợ nần.

+ Với phí nước thải khoảng 4.500đ/m³ thì mới trang trải được các khoản chi phí, nợ không còn tích lũy nữa và Công ty bắt đầu trong trạng thái hoạt động bền vững.

+ Với phí nước thải từ 5.000đ/m³ trở lên đã bắt đầu có sự tích lũy.

Như vậy chỉ có **Nâng phí nước thải mới bảo vệ được môi trường.**

UBND TP.HCM vừa chính thức trình HĐND thành phố xem xét thông qua mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt giai đoạn 2008 – 2010 [3]. Theo đó, mức thu phí nước thải sinh hoạt sẽ điều chỉnh tăng hằng năm từ đầu năm tới mức thu năm 2008 tăng cao so hiện nay và sau đó tiếp tục tăng dần trong 2 năm 2009 - 2010.

Cụ thể, mức thu phí tính theo mỗi m³ thứ tự các năm 2008 - 2009 - 2010: đối với hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt trong định mức 4m³/người/tháng đóng phí 300 - 350 - 400 đồng, vượt định mức 600 - 700 - 800 đồng; nước phục vụ sản xuất đóng phí 700 - 800 - 900 đồng; nước phục vụ kinh doanh dịch vụ đóng phí 950 - 1.500 - 2.000 đồng và nước phục vụ các cơ quan hành chính sự nghiệp đóng phí 600 - 700 - 800 đồng.

Tuy nhiên với **mức phí này thì vẫn đang còn thấp** nếu so với tính toán ở trên.

Theo tính toán của UBND thành phố, nếu áp dụng mức thu phí như đề xuất, tổng thu phí nước hộ gia đình sử dụng sinh hoạt trong năm 2008 là 107,3 tỉ đồng (tổng mức thu tất cả các đối tượng năm 2007 là 97,07 tỉ đồng), năm 2009 là 140,28 tỉ đồng và năm 2010 là 166,29 tỉ đồng. Tương ứng các năm 2008 – 2009 – 2010, tổng thu phí nước phục vụ sản xuất là 45,28 – 57,99 – 67,66 tỉ đồng; tổng thu phí nước kinh doanh dịch vụ là 21,69 – 38,38 – 53,07 tỉ đồng và tổng thu phí nước phục vụ các cơ quan hành chính sự nghiệp là 15,98 – 20,89 – 24,77 tỉ đồng.

Như vậy, nếu áp dụng mức thu phí nước thải mới, đến năm 2010 tổng số tiền thu phí nước thải sinh hoạt của TP sẽ trên 800 tỉ đồng. Số tiền này dùng để vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước và trả vốn lẫn lãi vay để thực hiện các dự án thoát nước.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

+ Thu phí nước thải là điều quan trọng trong quản lý môi trường theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” để bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

+ Thu phí nước thải hướng tới thu hồi chi phí để đủ chi trả cho chi phí quản lý, vận hành và chi phí đầu tư xây dựng công trình. Tuy nhiên, theo tính toán thì cho tới năm 2010 phí nước thải thu được vẫn chưa bảo đảm được các chi phí này.

+ Có đầu tư công nghệ xử lý nước thải tốt, môi trường mới trong sạch và bảo đảm sức khỏe cho người dân.

+ Về phần các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất công nghiệp, việc tăng phí nước thải chắc chắn sẽ tác động đến hoạt động sản xuất, nhưng vì lợi ích lâu dài của toàn xã hội, họ sẽ phải chấp nhận. Hơn nữa, việc tăng phí nước thải đã nằm trong Nghị định của Chính phủ

+ Việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về môi trường để người dân cũng như các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất hiểu được ý nghĩa của việc thu phí nước thải là cần thiết. Khi họ chấp nhận, các nhà đầu tư có thể yên tâm bỏ vốn xây dựng, phát triển các mô hình công nghệ xử lý nước thải, rác thải tiên tiến - đặc biệt là các mô hình đã thành công - trong cả nước và thu hồi vốn thông qua lệ phí nước thải.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Việt Báo.vn** ngày 20 Tháng hai 2005, 04:17 GMT+7
2. **KS. Trần Quang Hưng- Tổng thư ký Hội Cấp thoát nước VN** - Báo điện tử Tổ Quốc - 6h47' ngày 26/09/2006
3. Thanh Nien online **Thứ Bảy, 22/12/2007, 08:53 GMT+7**

Người phản biện: PGS.TS. Lương Văn Thanh